TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 12-11-2018
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018, về "tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 69/2018/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Kim L, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Số Ô 15/5B, ấp 4, xã Mỹ An, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số 634A Quốc lộ 1A, phường 4, thành phố A, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L trình bày:

Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, bà và ông Trần Ngọc T xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố A, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn

ngày 04/7/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông T là người gia trưởng, thường xuyên uống rượu, ăn chơi, đua đòi mà không chăm lo cho vợ con. Nhiều lần bà can ngăn thì ông T dùng lời lẽ xúc phạm danh dự bà. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Trần Thị Kim Xuyến, sinh ngày 26/11/2017, hiện cháu Xuyến đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian và điều kiện kết hôn. Ông xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc, hoà thuận không có mâu thuẫn. Đến tháng 4/2018, bà L không đồng ý việc ông bán vàng để đi ăn cưới nên bà L về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân cho đến nay. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con.

Về con chung: Ông và bà L có 01 con chung tên Trần Thị Kim Xuyến, sinh ngày 26/11/2017, hiện con chung đang sống với bà L. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2018/HN-GĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố A đã căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, 267, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Kim L, cho bà Bùi Thị Kim L được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Thị Kim Xuyến, sinh ngày 26/11/2017 cho bà Bùi Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Ngọc T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi

con theo quy định pháp luật. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về chia tài sản, chia nợ: Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về án phí: Bà L phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Chuyển tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002183 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 17/9/2018, bị đơn ông Trần Ngọc T kháng cáo không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới.

Bị đơn ông Trần Ngọc T trình bày kháng cáo cho rằng giữa ông và bà Bùi Thị Kim L không có mâu thuẫn gì lớn, ông vẫn còn thương bà L nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn, đề nghị vợ chồng được đoàn tụ để cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung.

Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L trình bày: Bà và ông T chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không còn tiếng nói chung trong gia đình, không hòa hợp trong cuộc sống vợ chồng, đã nhiều lần hàn gắn nhưng vợ chồng không thể hòa thuận trở lại. Hiện bà không còn yêu thương ông T, trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà thì bà vẫn không thể cùng chung sống với ông T.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Ông T kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngược lại, bà L xác định không còn tình cảm với ông T, kiên quyết yêu cầu được ly hôn, không đồng ý đoàn tụ nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Ngọc T làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định

tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo bị đơn ông Trần Ngọc T, thấy rằng: Bà Bùi Thị Kim L và ông Trần Ngọc T qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố phường 4, thành phố A, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, hôn nhân của bà L và ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống, mặc dù đã có con chung, nhưng vợ chồng đã không có hạnh phúc thật sự. Theo bà L, ông T thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình, nhiều lần bà khuyên răn nhưng ông T không thay đổi. Ông T còn dùng lời lẽ xúc phạm bà nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu tháng 01/2017, đến tháng 4/2018 vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Trong khi đó, ông T xác định, mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, ông vẫn còn rất yêu thương vợ con nên yêu cầu được đoàn tụ để ông có cơ hội sửa chữa khuyết điểm của mình, vợ chồng cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung.

[3] Xét, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Mặc dù giữa bà L và ông T không có xảy ra cãi vã nhau nhưng bà L xác định quá trình chung sống ông T không chăm lo gia đình, thường xuyên có lời lẽ xúc phạm làm cho bà bị tổn thương, mất niền tin với ông T và đã về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Xét hôn nhân giữa bà L và ông T đã xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài, bà L đã không còn tình cảm với ông T. Bà khẳng định dù Tòa án giải quyết cho bà được đoàn tụ với ông T thì đời sống vợ chồng cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được mà chỉ làm cho mối quan hệ vợ chồng thêm căng thẳng, bế tắc. Điều này cho thấy bà L đã thật sự mong muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông T. Riêng ông T thể hiện thiện chí đoàn tụ nhưng không đưa ra được bất kỳ giải pháp cụ thể nào để tạo niềm tin cho bà L hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L thì chỉ kéo dài mối quan hệ hôn nhân về mặt pháp lý, bà L cũng không thể tiếp tục chung sống với ông T. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ. Đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Ngọc T.

[4] Các khoản khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

[5] Về án hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Trần Ngọc T phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông Trần Ngọc T.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2018/HN-GĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố A.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39; 147, 267, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24, 26, 28 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Kim L. Bà Bùi Thị Kim L được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Thị Kim Xuyến, sinh ngày 26/11/2017 cho bà Bùi Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Ngọc T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về chia tài sản, nợ: Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Kim L phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002183 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Long An.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Buộc ông Trần Ngọc T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002427 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Long An.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố A;
- Chi cục THA thành phố A;
- UBND phường 4, thành phố A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Trần Văn Quán **Phùng Thị Cẩm Hồng** **Huỳnh Thị Hồng Vân**